

Digitally signed by Nguyễn Văn Long  
Date: 2022-03-01 13:59:31

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3**  
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 -- 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	5 – 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	9 – 33

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3**

Số 32, Ngõ Thời Nhiệm, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### **Hội đồng Quản trị**

Ông Thái Tuấn Tài	Chủ tịch
Ông Nguyễn Phú Gia	Thành viên
Ông Tôn Thất Hùng	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 01/09/2021)
Ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Kế	Thành viên

##### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Tôn Thất Hùng	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 01/09/2021)
Ông Nguyễn Trí Trình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Lê Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lạc Thái Phước	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 15/02/2022)
Ông Trần Quốc Điền	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 01/5/2021)
Ông Nguyễn Duy Bình	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 01/02/2021)

##### **Người đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là Ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn - Tổng Giám đốc.

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và Báo cáo tài chính tổng hợp được lập tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Như Hoàng Tuấn ✓  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2022



Số: 015 /VACO/BCKT.HCM

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 02 năm 2022, từ trang 05 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý đến Thuyết minh số 31, phần Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp về các khoản nợ tiềm tàng của Công ty. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán khác, với Báo cáo kiểm toán số 010/2021/UHYHCM-BCKTĐL ngày 03 tháng 3 năm 2021 đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần có vấn đề cần nhấn mạnh liên quan khoản nợ tiềm tàng của Công ty.



**Nguyễn Đức Tiến**

**Giám đốc Chi nhánh**

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0517-2018-156-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**

*Tp. HCM, ngày 28 tháng 02 năm 2022*

**Nguyễn Ngọc Thạch**

**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1822-2018-156-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Đơn vị: VND Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>207.663.131.412</b>	<b>202.306.935.898</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>35.993.379.842</b>	<b>73.721.708.136</b>
1. Tiền	111		10.993.379.842	49.721.708.136
2. Các khoản tương đương tiền	112		25.000.000.000	24.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>4.220.790.000</b>	<b>220.790.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		220.790.000	220.790.000
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		4.000.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>145.823.027.905</b>	<b>107.741.937.407</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	166.140.510.254	117.899.150.431
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.150.347.853	1.907.731.862
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	1.848.543.027	2.931.805.891
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(24.316.373.229)	(14.996.750.777)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>21.144.383.118</b>	<b>19.923.494.425</b>
1. Hàng tồn kho	141		21.144.383.118	19.923.494.425
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>481.550.547</b>	<b>699.005.930</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	481.550.547	699.005.930
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>120.525.215.082</b>	<b>116.572.921.217</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>43.292.927.499</b>	<b>54.253.398.451</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	42.809.927.499	53.736.398.451
2. Phải thu dài hạn khác	216	7	483.000.000	517.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>19.863.262.617</b>	<b>27.623.364.815</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	10.432.712.360	17.536.908.905
- Nguyên giá	222		56.746.976.003	56.429.519.365
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(46.314.263.643)	(38.892.610.460)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	9.430.550.257	10.086.455.910
- Nguyên giá	228		20.880.885.526	20.850.196.776
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(11.450.335.269)	(10.763.740.866)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>162.000.000</b>	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		162.000.000	-
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5</b>	<b>53.150.000.000</b>	<b>29.991.916.461</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		53.150.000.000	31.130.855.750
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(1.138.939.289)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.057.024.966</b>	<b>4.704.241.490</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	3.901.727.614	4.548.944.138
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		155.297.352	155.297.352
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>328.188.346.494</b>	<b>318.879.857.115</b>

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>203.299.350.197</b>	<b>203.224.617.494</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>203.299.350.197</b>	<b>203.224.617.494</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	9.072.136.593	17.929.392.843
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	32.077.217.431	42.692.523.840
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	13.510.491.000	4.263.963.006
4. Phải trả người lao động	314		103.105.120.132	108.842.637.495
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		3.134.538.827	5.051.077.384
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	22.051.446.536	22.622.589.819
7. Vay ngắn hạn	320	17	17.400.276.571	-
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.948.123.107	1.822.433.107
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>124.888.996.297</b>	<b>115.655.239.621</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>124.888.996.297</b>	<b>115.655.239.621</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		82.760.800.000	82.760.800.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		82.760.800.000	82.760.800.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(140.000)	(140.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		19.072.000.000	13.186.000.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		23.056.336.297	19.708.579.621
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		2.910.513.621	88.684.476
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		20.145.822.676	19.619.895.145
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>328.188.346.494</b>	<b>318.879.857.115</b>



Nguyễn Như Hoàng Tuấn  
Tổng Giám đốc  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2022

Phạm Hoàng Vinh  
Kế toán trưởng

Nguyễn Trần Phương Thúy  
Người lập biểu



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021*

CHỈ TIÊU	Mã số Thuyết minh		Năm nay	Đơn vị: VND Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		316.338.431.189	408.938.167.809
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		4.136.813.513	5.238.016.187
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	21	312.201.617.676	403.700.151.622
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	22	216.461.702.077	300.478.995.498
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		95.739.915.599	103.221.156.124
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	827.291.292	4.173.673.985
7. Chi phí tài chính	22	25	(561.774.850)	396.981.851
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		383.929.396	-
8. Chi phí bán hàng	25	26	18.930.195.747	29.245.151.037
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	54.184.391.485	53.989.911.954
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		24.014.394.509	23.762.785.267
11. Thu nhập khác	31		1.284.115.017	1.329.395.431
12. Chi phí khác	32		107.378.103	740.557.787
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1.176.736.914	588.837.644
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		25.191.131.423	24.351.622.911
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	5.045.308.747	4.887.025.118
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	(155.297.352)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		20.145.822.676	19.619.895.145
18. Lợi nhuận trên cổ phiếu	70	28	2.191	2.052



Nguyễn Như Hoàng Tuấn  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2022

Phạm Hoàng Vinh  
Kế toán trưởng

Nguyễn Trần Phương Thúy  
Người lập biểu



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	25.191.131.423	24.351.622.911
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	8.286.181.492	9.974.600.191
- Các khoản dự phòng	03	8.180.683.163	328.964.580
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	78.672.693	183.265.845
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.296.393.407)	(4.227.447.695)
- Chi phí lãi vay	06	383.929.396	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	40.824.204.760	30.611.005.832
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(35.638.105.555)	(15.194.177.542)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(1.211.645.331)	(190.193.393)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(21.299.640.130)	10.100.183.010
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	864.671.907	(2.266.091.412)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(383.929.396)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.388.625.485)	(6.545.136.903)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	4.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.510.310.000)	(1.622.700.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>(20.743.379.230)</b>	<b>14.896.889.592</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(968.612.750)	(6.718.886.467)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	-	115.454.545
3. Tiền chi cho vay	23	(4.000.000.000)	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(22.500.000.000)	(11.200.000.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	480.855.750	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	707.783.501	4.275.179.261
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>(26.279.973.499)</b>	<b>(13.528.252.661)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	35.587.795.643	14.869.592.768
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(18.187.519.072)	(25.565.629.344)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(8.039.443.000)	(9.768.717.600)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>9.360.833.571</b>	<b>(20.464.754.176)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	50	<b>(37.662.519.158)</b>	<b>(19.096.117.245)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	60	<b>73.721.708.136</b>	<b>93.001.091.226</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(65.809.136)	(183.265.845)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	70	<b>35.993.379.842</b>	<b>73.721.708.136</b>



Nguyễn Như Hoàng Tuấn  
Tổng Giám đốc  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2022

Phạm Hoàng Vinh  
Kế toán trưởng

Nguyễn Trần Phương Thúy  
Người lập biểu

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 (gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty Tư vấn Xây dựng Điện 3 theo Quyết định số 335/QĐ-BCN ngày 26 tháng 01 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương). Hiện tại, Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0301475102 đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 11 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và Giấy Chứng nhận đăng ký thay đổi lần 11 ngày 28 tháng 10 năm 2021.

Vốn điều lệ của Công ty là: 82.760.800.000 VND chia thành 8.276.080 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Ngày 01/12/2009, Công ty đã chính thức niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là TV3.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 466 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 470 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Kiểm định chất lượng xây dựng; chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và chứng nhận sự phù hợp chất lượng công trình xây dựng. Đo đạc bản đồ và vẽ bản đồ địa chính. Lập qui hoạch các dự án đầu tư, phát triển điện lực. Lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư; lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ đấu thầu dự án các nhà máy điện (thủy-nhiệt điện-nguồn và lưới điện), dự án xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, dự án năng lượng tái tạo (năng lượng gió, năng lượng mặt trời, khí sinh học, địa nhiệt) dự án đường dây tải điện và trạm biến áp. Lập tổng dự toán công trình. Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nguồn và lưới điện, thí nghiệm mẫu đất, đá, cát, nước, kết cấu bê tông, thép và vật liệu xây dựng. Thử nghiệm và nghiệm thu các công trình nhà máy thủy điện- nhiệt điện, công trình đường dây tải điện và trạm biến áp, các công trình xây dựng. Thi công khoan phụt bê tông, xử lý nền móng công trình xây dựng. Khảo sát địa chất xây dựng công trình, thiết kế đo đạc địa hình công trình. Thiết kế công trình điện năng (nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến thế); Thiết kế công trình thủy lợi (đập, đường hầm, cống, kênh tưới, công trình bảo vệ bờ sông). Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp. Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện; Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Giám sát công tác khảo sát địa chất công trình. Giám sát công tác lắp đặt phần điện công trình công nghiệp. Giám sát công tác phân điện và thiết bị điện công trình đường dây và trạm biến áp. Tư vấn quản lý dự án. Thiết kế hệ thống thông tin liên lạc công trình dân dụng và công nghiệp. Thẩm tra thiết kế công trình. Tư vấn lập hồ sơ: đền bù giải phóng mặt bằng, di dân tái định canh, định cư các công trình nguồn, lưới điện và các công trình xây dựng khác. Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật. Thiết kế công trình đường bộ. Giám sát thi công xây dựng công trình đường bộ. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình cấp thoát nước theo tuyến. Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình đường bộ. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình giao thông cầu-đường bộ. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện: công trình hạ tầng kỹ thuật;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Lập hồ sơ đánh giá tác động môi trường;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Đầu tư xây dựng kinh doanh công trình nguồn điện, công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: Khoan thăm dò, kiểm tra lấy mẫu thử để đo chỉ tiêu vật lý, địa chất;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Kiểm định chất lượng công trình. Dịch vụ thí nghiệm kiểm tra độ bền cơ học bê tông, kết cấu, vật liệu xây dựng. Khoan phun chống thấm, gia cố xử lý nền móng công trình xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: kinh doanh bất động sản;



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

#### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Gia công chế tạo, lắp đặt các thiết bị điện sinh hoạt và công nghiệp (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện).

#### Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### Cấu trúc doanh nghiệp

*Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:*

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động chính
Chi nhánh miền Trung	Đường 23/10 KDC Tây Cầu Dứa, Xã Vĩnh Hiệp, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Tư vấn, khảo sát, thiết kế
Xí nghiệp Khảo sát và Xây dựng Điện	32 Ngõ Thời Nhiệm, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	Tư vấn, khảo sát, thiết kế

### 2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

#### Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Giao dịch nội bộ và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp (Tiếp theo)**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý**

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- Đầu tư tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;*
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*
- Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài mục a và b trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Các khoản đầu tư tài chính**

***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí trả trước khác: Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	12 - 25
Máy móc, thiết bị	05 - 06
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao****Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất vô thời hạn thì không trích khấu hao.

**Phần mềm máy tính**

Phần mềm máy tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ

**Ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn Điều lệ thực góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông, quy định của Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

**Chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính tổng hợp và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**Bên liên quan**

Tập đoàn Điện lực Việt Nam  
Ông Trần Quốc Điền  
Các Công ty con và Công ty liên kết do Tập đoàn  
Điện lực Việt Nam đầu tư và chi phối  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

**Mối quan hệ**

Cổ đông lớn  
Cổ đông lớn  
Cùng tập đoàn  
Quản lý chủ chốt

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	255.109.452	152.748.617
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.738.270.390	49.568.959.519
Các khoản tương đương tiền	25.000.000.000	24.000.000.000
<i>Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng</i>	<i>25.000.000.000</i>	<i>24.000.000.000</i>
<b>Cộng</b>	<b>35.993.379.842</b>	<b>73.721.708.136</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

**5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Chứng khoán kinh doanh</b>	<b>220.790.000</b>	<b>1.214.372.250</b>	-	<b>220.790.000</b>	<b>1.056.904.200</b>	-
Công ty Cổ phần Thủy Điện Miền Trung (i)	220.790.000	1.214.372.250	-	220.790.000	1.056.904.200	-
<b>b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>	<b>4.000.000.000</b>		-	-		-
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 6 tháng (ii)	4.000.000.000		-	-		-
<b>b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>53.150.000.000</b>		-	<b>31.130.855.750</b>		<b>(1.138.939.289)</b>
Công ty Cổ phần EVN Quốc tế (iii)	3.150.000.000	6.772.500.000	-	3.150.000.000	3.213.000.000	-
Công ty Cổ phần Phong Điện Thuận Bình (iv)	50.000.000.000	(*)	-	27.500.000.000	(*)	(902.240.413)
Công ty TNHH Điện gió Sunpro Bến tre số 8	-		-	480.855.750	(*)	(236.698.876)
<b>Cộng</b>	<b>53.370.790.000</b>		-	<b>31.351.645.750</b>		<b>(1.138.939.289)</b>

- i. Khoản đầu tư vào cổ phiếu được niêm yết trên sàn HOSE với số lượng 53.379 cổ phiếu. Công ty xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này dựa vào giá trị thị trường giao dịch trên sàn HOSE tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.
- ii. Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Thành phố Hồ Chí Minh với lãi suất 3,9%/năm.
- iii. Khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần EVN Quốc tế với số lượng cổ phiếu sở hữu là 315.000 cổ phiếu, tỷ lệ góp là 0,86% tổng vốn điều lệ. Công ty xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này dựa vào giá trị thị trường giao dịch trên sàn UPCOM tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.
- iv. Công ty Cổ phần Phong Điện Thuận Bình có Vốn điều lệ là 500.000.000.000 VND, tỷ lệ góp vốn của Công ty là 10% tổng vốn điều lệ.
- (\*) Theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào đơn vị khác tại ngày kết thúc năm tài chính cần được trình bày. Công ty đã xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các đơn vị đã niêm yết trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán tại ngày kết thúc năm tài chính và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ. Tuy nhiên, một số khoản đầu tư vào đơn vị khác chưa niêm yết và hiện chưa có thông tin hướng dẫn xác định giá trị hợp lý đối với các khoản đầu tư chưa niêm yết nên Công ty không trình bày giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	(Trình bày lại) VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>166.140.510.254</b>	<b>117.899.150.431</b>
<b>a1) Bên liên quan</b>	<b>123.462.050.775</b>	<b>93.166.991.759</b>
Ban QLDA các công trình điện miền Nam	34.907.017.043	24.823.707.819
Ban QLDA Thủy Điện Sông Bung 2	19.362.549.364	15.239.712.459
Ban QLDA Truyền Tải Điện (NPTPNB)	16.153.500.900	722.865.829
Ban QLDA các công trình điện miền Bắc	11.362.235.762	2.519.009.886
Ban QLDA các công trình điện miền Trung	10.122.149.335	2.683.335.381
Ban QLDA Điện Lực Miền Nam - PC 2	6.201.215.192	11.612.788.762
Công ty Thủy điện Đa Nhim-Hàm Thuận-Đa Mi	4.495.485.171	404.244.508
Ban QLDA nhiệt điện Vĩnh Tân	4.079.161.665	6.254.124.192
Tổng công ty Điện lực miền Nam TNHH	2.949.883.454	1.489.600.000
Ban QLDA nhiệt điện 2	2.418.828.407	2.418.828.407
Công ty Thủy điện An Khê - Ka Nah	2.185.250.000	851.133.360
Ban Quản lý dự án Điện 2	1.941.690.755	4.525.510.016
Ban QLDA Lưới điện miền Nam	1.804.012.252	2.239.023.099
Ban QLDA thủy điện 1	1.244.364.245	-
Công ty CP Tư vấn XD điện 1	1.010.242.046	-
Công ty CP thủy điện Vĩnh Sơn-Sông Hinh	625.520.920	2.332.236.741
Công ty thủy điện Đồng Nai 5 -TKV	428.490.933	-
Công ty CP Thủy điện Sông Ba Hạ	369.936.800	-
Công ty Phát triển thủy điện Sê San	358.582.400	505.599.160
Công ty Truyền tải điện 3 - EVN	308.244.702	841.345.819
Công ty CP Phong Điện Thuận Bình	246.000.000	-
Công ty DV Sửa chữa các nhà máy điện EVNGENCO 3	238.590.000	224.798.985
Công ty Truyền tải điện 3 -Truyền tải điện ĐắkNông	205.902.125	-
Ban QLDA nhiệt điện 3	180.000.000	614.162.513
Ban quản lý dự án Truyền tải điện	109.939.000	-
Ban Quản lý dự án Điện 3	104.640.000	216.155.033
Điện lực Trung tâm Nha Trang	43.158.291	-
Công ty Điện Lực Sài Gòn	5.460.013	8.436.340
Ban QLDA lưới điện TP. HCM - HCM PC	-	5.506.445.173
Công ty nhiệt điện Mông Dương	-	1.821.989.718
Công ty Thủy điện Trị An	-	1.476.838.000
Công ty thủy điện Đồng Nai	-	1.470.480.000
Ban QLDA Điện nông thôn Miền Trung	-	1.133.276.021
Công ty nhiệt điện Vĩnh Tân	-	430.518.181
Trung tâm điều độ HTĐ Quốc Gia	-	349.392.144
Tổng Công ty Phát Điện 2 - Công ty TNHH MTV	-	309.150.765
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 5	-	142.283.448
<b>a2) Đối tượng khác</b>	<b>42.678.459.479</b>	<b>24.732.158.672</b>
Khác	42.678.459.479	24.732.158.672



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG (Tiếp theo)**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	(Trình bày lại) VND
<b>b) Dài hạn</b>	<b>42.809.927.499</b>	<b>53.736.398.451</b>
<b>b1) Bên liên quan</b>	<b>37.922.704.845</b>	<b>40.214.219.946</b>
Ban QLDA các công trình điện miền Nam	15.379.460.683	9.437.755.393
Ban QLDA các công trình điện miền Trung	10.697.460.367	8.619.657.416
Ban QLDA các công trình điện miền Bắc	3.389.727.752	4.591.334.171
Ban QLDA lưới điện TP. HCM - HCM PC	2.056.099.362	1.442.993.703
Ban QLDA NMTĐ Đồng Nai 5	1.555.878.980	1.555.878.980
Tổng công ty Điện lực miền Nam TNHH	1.408.264.447	1.097.581.625
Ban QLDA Truyền Tải Điện (NPTPNB)	824.553.213	263.452.668
Ban QLDA Thủy Điện Sông Bung 2	412.792.570	4.520.446.720
Ban Quản lý dự án Điện 2	375.093.000	375.093.000
Ban QLDA Lưới điện Miền Trung	253.887.023	136.374.202
Công ty Điện lực Cà Mau	197.286.504	-
Ban QLDA Phát triển Điện Lực	190.915.455	190.915.455
Ban QLDA Lưới Điện miền Nam	186.028.683	-
Công ty CP thủy điện La Ngâu	160.318.500	160.318.500
CN Tổng công ty truyền tải điện Quốc Gia - CtyTTĐ4	152.335.116	298.293.280
Công ty CP ĐTKD Điện lực TPHCM	139.846.386	139.846.386
Công ty DV Sửa chữa các nhà máy điện EVNGENCO 3	115.260.000	-
Công ty CP thủy điện Vĩnh Sơn-Sông Hình	113.794.679	-
Ban QLDA nhiệt điện 3	93.059.450	413.009.057
Công ty CP Thủy điện miền Trung	70.450.000	70.450.000
Công ty Nhiệt điện Cần Thơ	41.335.569	41.335.569
Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ	33.200.000	74.770.000
Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Cần Thơ	31.147.917	797.287.174
Công ty thủy điện Đồng Nai	28.160.000	-
Ban QLDA Điện nông thôn Miền Trung	16.349.189	-
Ban QLDA Điện Lực Miền Nam - PC 2	-	4.624.999.470
Ban QLDA thủy điện 1	-	1.244.364.245
Ban QLDA lưới điện - Tổng Cty Điện lực miền Bắc	-	88.833.631
Ban Quản lý dự án Điện 3	-	29.229.301
<b>b2) Đối tượng khác</b>	<b>4.887.222.654</b>	<b>13.522.178.505</b>
Công ty CP Điện KCN Vĩnh Lộc	-	11.364.933.050
Khác	4.887.222.654	2.157.245.455
<b>Cộng</b>	<b>208.950.437.753</b>	<b>171.635.548.882</b>

**7. PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>1.848.543.027</b>	<b>2.931.805.891</b>
Tạm ứng cho nhân viên	1.156.980.612	2.441.870.145
Khác	691.562.415	489.935.746
<b>b) Dài hạn</b>	<b>483.000.000</b>	<b>517.000.000</b>
Ký quỹ, ký cược	483.000.000	517.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.331.543.027</b>	<b>3.448.805.891</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

**8. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

Đơn vị: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá trị		Dự phòng	Giá trị		Dự phòng
	Giá gốc	có thể thu hồi		Giá gốc	có thể thu hồi	
Công ty CP Thủy điện Thiên Tân	5.100.415.846	-	(5.100.415.846)	5.100.415.846	-	(5.100.415.846)
Ban QLDA Thủy điện sông Bung 2	18.048.670.314	9.024.335.157	(9.024.335.157)	-	-	-
Ban QLDA nhiệt điện 2	2.418.828.407	-	(2.418.828.407)	2.418.828.407	-	(2.418.828.407)
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Anpha	1.391.554.962	531.884.348	(859.670.614)	1.391.554.962	531.884.348	(859.670.614)
Ban QLDA Điện lực miền Nam	362.996.839	6.960.215	(356.036.624)	3.795.953.665	2.412.464.080	(1.383.489.585)
Các khách hàng khác	9.557.314.432	3.000.227.851	(6.557.086.581)	6.869.490.405	1.635.144.080	(5.234.346.325)
<b>Cộng</b>	<b>36.879.780.800</b>	<b>12.563.407.571</b>	<b>(24.316.373.229)</b>	<b>19.576.243.285</b>	<b>4.579.492.508</b>	<b>(14.996.750.777)</b>

**9. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	147.608.070	-	178.246.065	-
Công cụ, dụng cụ	5.157.008	-	4.027.268	-
Chi phí SXKD dở dang	20.991.618.040	-	19.741.221.092	-
<b>Cộng</b>	<b>21.144.383.118</b>	<b>-</b>	<b>19.923.494.425</b>	<b>-</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>481.550.547</b>	<b>699.005.930</b>
Công cụ dụng cụ xuất dùng	147.968.269	181.048.898
Chi phí phần mềm	333.582.278	517.957.032
<b>b) Dài hạn</b>	<b>3.901.727.614</b>	<b>4.548.944.138</b>
Công cụ dụng cụ xuất dùng	2.692.683.162	2.868.458.759
Chi phí phần mềm	1.209.044.452	1.680.485.379
<b>Cộng</b>	<b>4.383.278.161</b>	<b>5.247.950.068</b>

**11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu năm (Trình bày lại)	13.196.031.024	17.725.790.103	17.493.444.426	8.014.253.812	56.429.519.365
- Mua trong năm	-	32.700.000	-	294.000.000	326.700.000
- Giảm do chuyển sang hàng tồn kho	-	-	-	(9.243.362)	(9.243.362)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>13.196.031.024</b>	<b>17.758.490.103</b>	<b>17.493.444.426</b>	<b>8.299.010.450</b>	<b>56.746.976.003</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư đầu năm (Trình bày lại)	8.321.014.977	12.136.701.261	12.981.354.001	5.453.540.221	38.892.610.460
- Khấu hao trong năm	674.209.488	2.358.250.060	2.587.745.448	1.801.448.187	7.421.653.183
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>8.995.224.465</b>	<b>14.494.951.321</b>	<b>15.569.099.449</b>	<b>7.254.988.408</b>	<b>46.314.263.643</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày đầu năm	4.875.016.047	5.589.088.842	4.512.090.425	2.560.713.591	17.536.908.905
Tại ngày cuối năm	4.200.806.559	3.263.538.782	1.924.344.977	1.044.022.042	10.432.712.360

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 22.663.982.872 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 19.533.544.109 VND).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<b>Quyền sử dụng đất</b>	<b>Phần mềm máy tính</b>	<b>Tổng cộng</b>
	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư đầu năm	10.706.370.572	10.143.826.204	20.850.196.776
- Mua trong năm	-	479.912.750	479.912.750
- Thanh lý, nhượng bán	(449.224.000)	-	(449.224.000)
Số dư cuối năm	10.257.146.572	10.623.738.954	20.880.885.526
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư đầu năm	1.843.747.077	8.919.993.789	10.763.740.866
- Khấu hao trong năm	196.027.698	668.500.611	864.528.309
- Thanh lý, nhượng bán	(177.933.906)	-	(177.933.906)
Số dư cuối năm	1.861.840.869	9.588.494.400	11.450.335.269
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày đầu năm	8.862.623.495	1.223.832.415	10.086.455.910
Tại ngày cuối năm	8.395.305.703	1.035.244.554	9.430.550.257

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 6.291.360.637 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 6.226.410.637 VND).

Công ty đã thế chấp Quyền sử dụng đất tại Quận 2 – Thửa đất số 143 với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 2.716.661.715 VND nhằm đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hồ Chí Minh (Thuyết minh số 17).

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	<b>Số cuối năm</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	<b>Giá trị</b>	<b>Số có khả năng trả nợ</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Số có khả năng trả nợ</b>
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Bên liên quan</b>	33.942.095	33.942.095	1.133.959.153	1.133.959.153
Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	33.942.095	33.942.095	319.959.153	319.959.153
Công ty Thí Nghiệm Điện Miền Nam	-	-	814.000.000	814.000.000
<b>b) Đối tượng khác</b>	9.038.194.498	9.038.194.498	16.795.433.690	16.795.433.690
Công ty CP xây lắp điện I	3.298.900.000	3.298.900.000	-	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Sài Gòn	-	-	9.106.510.206	9.106.510.206
Khác	5.739.294.498	5.739.294.498	7.688.923.484	7.688.923.484
<b>Cộng</b>	9.072.136.593	9.072.136.593	17.929.392.843	17.929.392.843

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
	VND	VND
<b>a) Bên liên quan</b>	<b>27.013.594.673</b>	<b>34.889.229.809</b>
Ban QLDA Điện Lực Miền Nam	7.170.478.992	6.698.941.582
Ban QLDA các công trình điện miền Nam	5.211.741.382	8.589.985.004
Ban QLDA các công trình điện miền Trung	4.757.075.715	6.586.417.417
Ban QLDA Lưới điện miền Nam	1.946.246.000	1.946.246.000
Ban QLDA các công trình điện miền Bắc	1.687.600.000	-
Ban QLDA Lưới điện Miền Trung	1.499.745.640	1.592.555.628
Công ty Cổ phần Phong Điện Thuận Bình	823.000.000	823.000.000
Ban QLDA nhiệt điện Vĩnh Tân	691.500.000	691.500.000
Ban QLDA Truyền tải điện (NPTPMB)	596.292.000	3.437.797.000
Ban QLDA lưới điện TP. Hồ Chí Minh	515.371.971	515.371.971
Ban Quản lý dự án Điện 3	470.625.000	545.625.000
Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Cần Thơ	450.101.685	92.161.685
Ban QLDA nhiệt điện 3	445.056.834	704.661.232
Công ty TNHH MTV NMTĐ Thác Ba	246.868.800	246.868.800
CN Tổng công ty truyền tải điện Quốc Gia - CtyTTĐ4	228.600.066	190.445.250
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 5	108.389.600	108.389.600
Công ty Cổ phần Phát triển Điện Lực VN	100.438.263	100.438.263
Ban Quản lý dự án Điện 2	40.361.548	-
Ban QLDA nhiệt điện 2	24.101.177	24.101.177
Tổng Công ty Điện lực Miền nam TNHH	-	1.012.464.200
Ban QLDA điện nông thôn miền Trung	-	618.000.000
Công ty Thủy điện Buôn Kuốp	-	225.060.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3	-	139.200.000
<b>b) Đối tượng khác</b>	<b>5.063.622.758</b>	<b>7.803.294.031</b>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.578.411.132	2.578.411.132
Viện Năng Lượng	226.087.750	1.741.175.000
Khác	2.259.123.876	3.483.707.899
<b>Cộng</b>	<b>32.077.217.431</b>	<b>42.692.523.840</b>

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	3.037.537.706	21.854.099.271	(15.084.284.419)	9.807.352.558
Thuế TNDN	954.208.510	5.045.308.747	(2.388.625.485)	3.610.891.772
Thuế TNCN	173.140.395	12.616.598.069	(12.697.491.794)	92.246.670
Các loại thuế, phí khác	99.076.395	202.287.968	(301.364.363)	-
<b>Cộng</b>	<b>4.263.963.006</b>	<b>39.718.294.055</b>	<b>(30.471.766.061)</b>	<b>13.510.491.000</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

**16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	1.153.253.260	370.150.980
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	94.682.599	97.931.173
Phải trả cổ tức cho cổ đông	1.061.362.275	824.739.275
Phải trả về khoản tạm thu thuế TNCN	9.170.919.419	13.538.416.285
Chi phí công trình phải trả	6.684.903.513	7.063.384.052
Khác	3.886.325.470	727.968.054
<b>Cộng</b>	<b>22.051.446.536</b>	<b>22.622.589.819</b>

**17. VAY NGẮN HẠN**

	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Số có khả năng				Số có khả năng	
	Giá trị	trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân Hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam - CN Hồ Chí Minh (i)	-	-	12.571.872.848	(3.276.405.617)	9.295.467.231	9.295.467.231
Ngân Hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Gia Định	-	-	5.073.757.815	(5.073.757.815)	-	-
Cán bộ công nhân viên (ii)	-	-	17.942.164.980	(9.837.355.640)	8.104.809.340	8.104.809.340
<b>Cộng</b>	-	-	<b>35.587.795.643</b>	<b>(18.187.519.072)</b>	<b>17.400.276.571</b>	<b>17.400.276.571</b>

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hồ Chí Minh nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, lãi suất vay là 5,8%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi vay trong hạn. Khoản vay được đảm bảo bằng Quyền sử dụng đất tại Quận 2 – Thửa đất số 143 với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 2.716.661.715 VND.
- (ii) Đây là khoản vay lại cán bộ công nhân viên từ khoản tiền lương đã được duyệt chi. Công ty và các phòng ban đã ký các biên bản thỏa thuận về việc sẽ cho Công ty vay tín chấp số tiền lương chưa chi trả với lãi suất 0%/năm, thời hạn vay đến 30/3/2022.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Đơn vị: VND

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>Số đầu năm trước</b>	<b>82.760.800.000</b>	<b>(140.000)</b>	<b>7.827.000.000</b>	<b>17.864.963.676</b>	<b>108.452.623.676</b>
- Lãi trong năm	-	-	-	19.619.895.145	19.619.895.145
- Chia lợi nhuận	-	-	-	(9.931.279.200)	(9.931.279.200)
- Trích Quỹ Đầu tư phát triển	-	-	5.359.000.000	(5.359.000.000)	-
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi, Ban điều hành	-	-	-	(2.486.000.000)	(2.486.000.000)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>82.760.800.000</b>	<b>(140.000)</b>	<b>13.186.000.000</b>	<b>19.708.579.621</b>	<b>115.655.239.621</b>
- Lãi trong năm	-	-	-	20.145.822.676	20.145.822.676
- Chia lợi nhuận (i)	-	-	-	(8.276.066.000)	(8.276.066.000)
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi, Ban điều hành (i)	-	-	-	(2.636.000.000)	(2.636.000.000)
- Trích Quỹ Đầu tư phát triển (i)	-	-	5.886.000.000	(5.886.000.000)	-
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>82.760.800.000</b>	<b>(140.000)</b>	<b>19.072.000.000</b>	<b>23.056.336.297</b>	<b>124.888.996.297</b>

Công ty thực hiện phân chia lợi nhuận năm 2020, trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi, Ban điều hành và Quỹ đầu tư phát triển theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2021 số 0088/BB-TVĐ3 ngày 23 tháng 4 năm 2021.

<b>Cổ phiếu</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.276.080	8.276.080
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.276.080	8.276.080
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.276.080	8.276.080
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	14	14
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	14	14
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.276.066	8.276.066
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.276.066	8.276.066
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)*****Vốn điều lệ***

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

	<b>Số cuối năm</b>		<b>Số đầu năm (Trình bày lại)</b>	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	40.371.340.000	48,78%	40.371.340.000	48,78%
Ông Trần Quốc Điền	4.232.000.000	5,11%	4.331.770.000	5,23%
Công ty Cổ phần Đầu tư Toàn Việt	-	0,00%	6.362.490.000	7,69%
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Thiên Hải	-	0,00%	3.966.570.000	4,79%
Cổ đông khác	38.157.320.000	46,11%	27.728.490.000	33,50%
Cổ phiếu quỹ	140.000	0,00%	140.000	0,00%
<b>Tổng cộng</b>	<b>82.760.800.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>82.760.800.000</b>	<b>100,00%</b>

Trong năm, Công ty đã thực hiện thanh toán cổ tức các năm trước cho cổ đông với giá trị là 8.039.443.000 VND.

**19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Đô la Mỹ (USD)	260.688,38	1.324.160,81
Đồng tiền chung Châu Âu (EUR)	2.719,96	3.410,74

**20. BÁO CÁO THEO BỘ PHẬN**

Hoạt động sản xuất kinh doanh tư vấn khảo sát thiết kế chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, trong khi các doanh thu khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu toàn Công ty. Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là tư vấn khảo sát thiết kế trong một khu vực địa lý, vì vậy không trình bày thêm thông tin bộ phận.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**21. DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Doanh thu khảo sát, tư vấn, thiết kế	316.338.431.189	408.938.167.809
<b>Cộng</b>	<b>316.338.431.189</b>	<b>408.938.167.809</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>4.136.813.513</b>	<b>5.238.016.187</b>
Giảm giá dịch vụ	4.136.813.513	5.238.016.187
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>312.201.617.676</b>	<b>403.700.151.622</b>
<b>Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan</b>	<b>201.600.706.100</b>	<b>237.141.844.419</b>
Ban QLDA các công trình điện miền Nam	84.289.663.030	69.560.767.096
Ban QLDA các công trình điện miền Trung	35.301.234.203	22.903.371.960
Ban QLDA Truyền tải điện	19.682.966.418	2.001.150.754
Ban QLDA các công trình điện miền Bắc	18.254.007.811	20.444.207.717
Công ty Cổ phần thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận Đa Mi	10.464.070.006	5.476.195.838
CN Tổng Công ty ĐL Miền Nam TNHH - Ban QL Dự án Lưới điện miền Nam	3.248.381.220	3.200.212.800
CN Tổng Công ty ĐL Miền Nam TNHH - Ban QL Dự án Điện lực miền Nam	4.107.878.221	18.969.838.436
Tổng Công ty Điện Lực Miền Nam TNHH	3.118.638.238	17.666.100.552
Công ty Thủy điện An Khê-Ka Nak	2.781.981.874	1.105.368.000
Ban QLDA Nhiệt điện 3	2.055.930.783	2.095.715.037
Ban QLDA thủy điện Sông Bung 2	2.008.397.795	11.716.944.664
Ban QLDA Điện 2 - CN Tập đoàn Điện lực Việt Nam	1.765.173.415	6.791.112.560
Công ty thủy điện Buôn Kuốp	1.474.204.545	4.800.058.897
Công ty Điện lực Cà Mau	1.318.846.397	-
Ban QLDA Lưới điện TPHCM	1.274.803.944	15.232.803.404
Ban QLDA Điện 3 - CN Tập đoàn Điện lực Việt Nam	1.182.941.072	2.345.000.000
Công ty DV Sửa chữa các nhà máy điện EVNGENCO3	1.047.818.182	-
Công ty Phát triển thủy điện Sê San - CN Tập Đoàn Điện Lực Việt Nam	968.711.273	-
Tập đoàn điện lực Việt Nam - Ban QLDA nhiệt điện Vĩnh Tân	935.600.000	11.988.451.747
Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 1	918.401.860	-
Công ty Thủy điện Đồng Nai	859.579.191	1.782.400.000
Ban QLDA Lưới điện Đồng Nai	727.494.576	-
Công ty Truyền tải Điện 3	677.172.168	1.366.049.555
Công ty cổ phần thủy điện Sông Ba Hạ	420.382.727	1.546.000.000
Công ty thủy điện Đồng Nai 5 - TKV	389.537.212	-
Công ty Điện lực Bình Phước	389.340.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	327.272.727	1.682.914.787
Công ty Truyền tải điện Đắk Nông	311.605.900	-
Ban QLDA Lưới điện miền Trung	279.203.321	-
Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân	203.636.364	831.081.520
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3	141.641.811	469.808.349
Ban QLDA Trung Tâm Điện Lực Ô Môn	116.992.218	711.068.871
Công ty Truyền tải điện Bình Thuận	116.801.300	8.923.500
Công ty thủy điện Ialy	97.940.525	-
Công ty Điện lực Sài Gòn	84.371.941	33.327.848
Công ty Nhiệt điện Mông Dương	82.981.750	2.355.527.843
Công ty Truyền tải Điện 4	64.765.201	-
Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa	55.709.290	-
Công ty Truyền tải điện Gia Lai	54.627.591	170.443.611



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**21. DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ (Tiếp theo)**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<i>Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan (Tiếp theo)</i>		
Ban QLDN Điện I	-	2.502.999.500
Công ty TNHH MTV NMTĐ Thác Ba	-	1.440.408.533
Công ty Thủy điện Trị An	-	1.342.580.000
Ban QLDA Điện nông thôn miền Trung	-	923.782.406
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 - CN	-	873.255.373
Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ	-	679.727.273
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	-	586.252.514
Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức	-	423.272.727
Tổng công ty Phát điện 3 - CTCP	-	422.614.308
Công ty Nhiệt điện Cần Thơ	-	375.777.900
Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH MTV	-	281.046.150
Công ty Điện lực Thừa Thiên Huế	-	35.282.389

**22. GIÁ VỐN CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn dịch vụ khảo sát, tư vấn, thiết kế	216.461.702.077	300.478.995.498
<b>Cộng</b>	<b>216.461.702.077</b>	<b>300.478.995.498</b>

**23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>VND</b>	<b>(Trình bày lại)</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.827.170.078	8.569.843.489
Chi phí nhân công	164.683.306.777	184.170.847.168
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.286.181.492	9.974.600.191
Chi phí dịch vụ mua ngoài	66.091.872.507	131.713.497.290
Chi phí khác	41.938.155.403	49.447.832.753
<b>Cộng</b>	<b>290.826.686.257</b>	<b>383.876.620.891</b>

**24. DOANH THU TÀI CHÍNH**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi	283.132.851	1.522.135.150
Cổ tức, lợi nhuận được chia	400.406.400	2.589.858.000
Lãi chuyển nhượng vốn góp	69.144.250	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	74.607.791	61.680.835
<b>Cộng</b>	<b>827.291.292</b>	<b>4.173.673.985</b>

**25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>VND</b>	<b>(Trình bày lại)</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	383.929.396	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(1.138.939.289)	193.939.289
Lỗ chênh lệch tỷ giá	193.235.043	203.042.562
<b>Cộng</b>	<b>(561.774.850)</b>	<b>396.981.851</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân viên	4.593.680.596	6.141.694.607
Chi phí vật liệu bao bì	203.280.616	243.676.027
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.273.391.548	16.037.262.988
Các khoản chi phí khác	5.859.842.987	6.822.517.415
<b>Cộng</b>	<b>18.930.195.747</b>	<b>29.245.151.037</b>
<b>b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân viên	15.297.287.963	23.652.378.382
Chi phí vật liệu quản lý	790.242.065	985.032.284
Chi phí đồ dùng văn phòng	3.102.509.579	1.940.770.902
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.602.469.753	3.407.663.545
Thuế, phí và lệ phí	356.613.557	6.791.415
Chi phí/Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	9.324.424.228	135.025.291
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.520.922.394	10.136.313.315
Các khoản chi phí khác	13.189.921.946	13.725.936.820
<b>Cộng</b>	<b>54.184.391.485</b>	<b>53.989.911.954</b>

**27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>25.191.131.423</b>	<b>24.351.622.911</b>
<b>Điều chỉnh tăng cho thu nhập chịu thuế</b>	<b>591.742.420</b>	<b>1.634.797.320</b>
Thù lao HĐQT không chuyên trách	144.000.000	126.000.000
Tiền phạt thuế và hóa đơn	-	496.918.304
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục	78.672.693	183.265.845
Tiền và Phải thu cuối năm nay	-	-
Chi phí khấu hao nhanh Nhà cửa, vật kiến trúc	-	776.486.760
Chi phí không được trừ	369.069.727	52.126.411
<b>Điều chỉnh giảm cho thu nhập chịu thuế</b>	<b>(583.672.245)</b>	<b>(3.376.382.807)</b>
Lợi nhuận cổ tức được chia	(400.406.400)	(2.589.858.000)
Giảm phần chi phí trích trước của XNKS không chi hết đã tính vào TNCT năm 2019	-	(675.577.263)
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục	(183.265.845)	(110.947.544)
Tiền và Phải thu cuối năm trước	-	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>25.199.201.598</b>	<b>22.610.037.424</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>5.039.840.320</b>	<b>4.522.007.485</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp các năm trước nộp bổ sung	5.468.427	365.017.633
<b>Tổng Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>5.045.308.747</b>	<b>4.887.025.118</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>VND</b>	<b>(Trình bày lại)</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận sau thuế trong năm	20.145.822.676	19.619.895.145
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	2.014.582.268	2.636.000.000
<b>Lợi nhuận để tính Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>18.131.240.408</b>	<b>16.983.895.145</b>
Số cổ phiếu bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính Lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.276.066	8.276.066
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.191	2.052
Mệnh giá mỗi cổ phiếu	10.000	10.000

- (i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2021 số 0088/BB-TVĐ3 ngày 23 tháng 4 năm 2021, Công ty đã trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và Ban Điều hành từ lợi nhuận năm 2020 với giá trị 2.636.000.000 VND. Do đó, Công ty đã điều chỉnh lại số liệu so sánh năm 2020 khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Lãi cơ bản trên cổ phiếu trước khi trình bày lại là 2.056 VND/Cổ phiếu).

Số trích Quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 là số tạm tính dựa trên 10% Lợi nhuận sau thuế năm 2021, được căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2021 số 0088/BB-TVĐ3 ngày 23 tháng 4 năm 2021.

**29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm vốn điều lệ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**Hệ số đòn bẩy tài chính**

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Các khoản vay	17.400.276.571	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(35.993.379.842)	(73.721.708.136)
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	124.888.996.297	115.655.239.621
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Các loại công cụ tài chính**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	35.993.379.842	35.993.379.842	73.721.708.136	73.721.708.136
Phải thu khách hàng và phải thu khác	209.603.000.168	209.603.000.168	172.125.484.628	172.125.484.628
Đầu tư tài chính ngắn hạn	4.220.790.000	5.214.372.250	220.790.000	1.056.904.200
Các khoản ký quỹ	522.000.000	522.000.000	517.000.000	517.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>250.339.170.010</b>	<b>251.332.752.260</b>	<b>246.584.982.764</b>	<b>247.421.096.964</b>
<b>Công nợ tài chính</b>				
Các khoản vay	17.400.276.571	17.400.276.571	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	29.875.647.270	29.875.647.270	40.083.900.509	40.083.900.509
Chi phí phải trả	3.134.538.827	3.134.538.827	5.051.077.384	5.051.077.384
<b>Tổng cộng</b>	<b>50.410.462.668</b>	<b>50.410.462.668</b>	<b>45.134.977.893</b>	<b>45.134.977.893</b>

Công ty xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính như Thuyết minh số 3, do Thông tư số 210/2009/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 2 - 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>	<b>Tổng</b>
	VND	VND	VND	VND
<b>Số cuối năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	35.993.379.842	-	-	35.993.379.842
Phải thu khách hàng và phải thu khác	155.871.601.717	53.731.398.451	-	209.603.000.168
Đầu tư tài chính ngắn hạn	4.220.790.000	-	-	4.220.790.000
Các khoản ký quỹ	-	522.000.000	-	522.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>196.085.771.559</b>	<b>54.253.398.451</b>	<b>-</b>	<b>250.339.170.010</b>
<b>Số cuối năm</b>				
Các khoản vay	17.400.276.571	-	-	17.400.276.571
Phải trả người bán và phải trả khác	29.875.647.270	-	-	29.875.647.270
Chi phí phải trả	3.134.538.827	-	-	3.134.538.827
<b>Tổng cộng</b>	<b>50.410.462.668</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>50.410.462.668</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>145.675.308.891</b>	<b>54.253.398.451</b>	<b>-</b>	<b>199.928.707.342</b>
	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 2 - 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>	<b>Tổng</b>
	VND	VND	VND	VND
<b>Số đầu năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	73.721.708.136	-	-	73.721.708.136
Phải thu khách hàng và phải thu khác	118.389.086.177	53.736.398.451	-	172.125.484.628
Đầu tư tài chính ngắn hạn	220.790.000	-	-	220.790.000
Các khoản ký quỹ	-	517.000.000	-	517.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>192.331.584.313</b>	<b>54.253.398.451</b>	<b>-</b>	<b>246.584.982.764</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Phải trả người bán và phải trả khác	40.083.900.509	-	-	40.083.900.509
Chi phí phải trả	5.051.077.384	-	-	5.051.077.384
<b>Tổng cộng</b>	<b>45.134.977.893</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>45.134.977.893</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>147.196.606.420</b>	<b>54.253.398.451</b>	<b>-</b>	<b>201.450.004.871</b>

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Trong năm, ngoài các số dư và giao dịch với bên liên quan tại các thuyết minh số 06, 13, 14, 18 và 21; Công ty còn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:*

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Mua hàng</b>		
Công ty Thủy điện Đa Nhim-Hàm Thuận-Đa Mi	563.542.095	130.555.754
Điện lực Sài Gòn	-	746.119.558
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện I	-	1.027.626.364
Công ty thí nghiệm Điện miền Nam	-	740.000.000
<b>Cộng</b>	<b>563.542.095</b>	<b>2.644.301.676</b>
<b>Chi trả cổ tức</b>		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	4.037.134.000	4.844.560.800
<b>Cộng</b>	<b>4.037.134.000</b>	<b>4.844.560.800</b>

*Thù lao Hội đồng Quản trị và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc trong năm:*

	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
		VND	(Trình bày lại) VND
<b>Thù lao của Hội đồng Quản trị</b>		<b>776.960.000</b>	<b>742.800.000</b>
Ông Thái Tuấn Tài	Chủ tịch	528.960.000	554.520.000
Ông Nguyễn Phú Gia	Thành viên	131.400.000	134.280.000
Ông Nguyễn Ngọc Kế	Thành viên	116.600.000	54.000.000
<b>Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc</b>		<b>4.048.157.309</b>	<b>3.626.497.945</b>
Ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn	Tổng Giám đốc	493.560.000	391.050.000
Ông Tôn Thất Hùng	Phó Tổng Giám đốc	316.340.000	442.300.000
Ông Trần Lê Minh	Phó Tổng Giám đốc	1.324.767.750	1.066.640.727
Ông Nguyễn Trí Trinh	Phó Tổng Giám đốc	1.290.549.201	1.051.895.854
Ông Trần Quốc Điền	Phó Tổng Giám đốc	450.100.358	-
Ông Nguyễn Duy Bình	Phó Tổng Giám đốc	172.840.000	674.611.364
<b>Cộng</b>		<b>4.825.117.309</b>	<b>4.369.297.945</b>

**31. NỢ TIỀM TÀNG**

Trong năm 2020, các Công ty bảo hiểm (bao gồm Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Toàn Cầu, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt, Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng Không) đã nộp hồ sơ khởi kiện tại Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu các nhà thầu tư vấn có liên quan đến sự cố tại hầm dẫn dòng công trình Thủy điện Sông Bung 2 năm 2016 (bao gồm Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3, Viện nghiên cứu Khảo sát Thiết kế Côn Minh và Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2) phải liên đới bồi hoàn số tiền 6.516.225.000 VND cho các Công ty Bảo hiểm nêu trên, trong đơn khởi kiện không nêu rõ số tiền bồi hoàn của từng nhà thầu tư vấn. Công ty đã gửi đến Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bản ý kiến vào ngày 22/9/2020 nêu rõ sản phẩm thi công hiện trường của tháp van hầm dẫn dòng không phải là sản phẩm tư vấn thiết kế của Công ty, do đó Công ty không phải chịu trách nhiệm bồi hoàn. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Công ty chưa nhận được thông báo của Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về lịch hòa giải và xét xử. Theo đó, Báo cáo tài chính tổng hợp này chưa bao gồm những ảnh hưởng (nếu có) liên quan đến kết quả vụ kiện nêu trên.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***32. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty thuê nhà tại Số 32 Ngõ Thời Nhiệm, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. HCM để làm trụ sở làm việc theo Phụ lục Hợp đồng thuê nhà số 126/PLHĐ-QLKDN-KD ngày 12/4/2021 với Công ty TNHH MTV Quản lý Kinh doanh nhà TP. HCM. Thời hạn thuê là 02 năm kể từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2022 với đơn giá thuê đã bao gồm thuế giá trị gia tăng từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 457.000.000 VND/tháng (đơn giá thuê từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022 sẽ được điều chỉnh), tiền thuê được trả hàng quý.

Tiền thuê được trả theo lịch như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	5.484.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>5.484.000.000</b>	<b>-</b>

**33. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****Thông tin bổ sung cho các khoản phí tiền tệ**

Tiền thu thanh lý tài sản cố định trong năm không bao gồm 815.000.000 VND là số tiền phải thu trong năm mà chưa thu được. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

Tiền lãi thu trong năm không bao gồm 44.900.000 VND là số tiền lãi phải thu trong năm mà chưa thu được. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

**34. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác.



Nguyễn Như Hoàng Tuấn  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2022

Phạm Hoàng Vinh  
Kế toán trưởng

Nguyễn Trần Phương Thúy  
Người lập biểu